

Tuần: 8,9,10,11

Ngày soạn: 20/10/2023

Tiết: 16,17,18,19,20

**BÀI 6: TÍNH THEO PHƯƠNG TRÌNH HOÁ HỌC**

(Thời gian thực hiện: 5 tiết)

**I. Mục tiêu:****1. Về kiến thức:**

- Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.
- Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học và tự chủ: Chủ động, tự tìm hiểu về số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác:
  - + Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về khái niệm hiệu suất của phản ứng
  - + Hoạt động nhóm có hiệu quả theo yêu cầu của GV trong khi thảo luận, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết các vấn đề kịp thời với các thành viên trong nhóm để thảo luận hiệu quả, giải quyết các vấn đề trong bài học và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

\* Năng lực khoa học tự nhiên:

- Năng lực nhận thức KHTN: Trình bày được khái niệm khái niệm hiệu suất của phản ứng
- Năng lực tìm hiểu KHTN: tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.
- Trung thực: Chăm chỉ, trung thực và thực hiện các yêu cầu trong chủ đề của bài học.
- Trách nhiệm: Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu****1. Giáo viên:**

- Máy chiếu, bảng nhóm, các hình ảnh theo SGK.

**2. Học sinh:**

- Vở ghi, sgk, dụng cụ học tập
- Đọc trước nội dung bài 4 tìm hiểu kiến thức liên quan đến bài học qua internet, sách báo.

- Giấy A0.

### III. Tiến trình dạy học

#### 1. Hoạt động 1: Mở đầu (8')

##### a) Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho học sinh, dẫn dắt giới thiệu vấn đề để học sinh biết được về phương trình hóa học

##### b) Nội dung:

- Cho học sinh thực hiện Phiếu học tập 1.

Bằng cách nào có thể tính được lượng chất tham gia và lượng chất sản phẩm trong quá trình sản xuất?

##### c) Sản phẩm:

- Học sinh bước đầu nói lên suy nghĩ của bản thân và có hướng điều chỉnh đúng trong vấn đề nghiên cứu.

##### d) Tổ chức thực hiện:

| Hoạt động của GV - HS   | Nội dung           |
|---|--------------------|
| <p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>- GV đưa nội dung câu hỏi.<br/>Bằng cách nào có thể tính được lượng chất tham gia và lượng chất sản phẩm trong quá trình sản xuất?</p> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- Học sinh thảo luận nhóm hoàn thành câu hỏi của GV đưa ra.</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết.</p> <p><b>* Báo cáo, thảo luận</b></p> <p>- GV yêu cầu 2 -3 HS đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><b>* Kết luận, nhận định</b></p> <p>- GV nhận xét, chốt lại kiến thức, đặt vấn đề vào bài.</p> | Câu trả lời của HS |

#### 2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

##### Tiết 1,2

#### Hoạt động 2.1: Tính lượng chất trong phương trình hóa học (90')

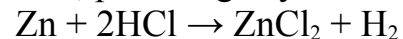
##### a) Mục tiêu:

- Tính được lượng chất trong phương trình hóa học theo số mol, khối lượng hoặc thể tích ở điều kiện 1 bar và 25 °C.

##### b) Nội dung:

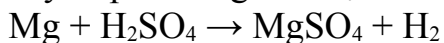
- GV yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin, trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa, tiến hành thí nghiệm và trả lời câu hỏi:

**Câu hỏi 1 trang 29 KHTN 8:** Ví dụ: Hoà tan hết 0,65 gam Zn trong dung dịch HCl 1 M, phản ứng xảy ra như sau:



Tính thể tích khí hydrogen thu được trong ví dụ trên ở 25 °C, 1 bar.

**Câu hỏi 2 trang 29 KHTN 8:** Khi cho Mg tác dụng với dung dịch  $H_2SO_4$  loãng thì xảy ra phản ứng hoá học như sau:



Sau phản ứng thu được 0,02 mol  $MgSO_4$ . Tính thể tích khí  $H_2$  thu được ở  $25^\circ C$ , 1 bar.

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS

**Câu hỏi 1 trang 29 KHTN 8:**

Số mol Zn tham gia phản ứng:  $n_{Zn} = 0,65 : 65 = 0,01$  (mol)

Theo phương trình hoá học:

1 mol Zn tham gia phản ứng sẽ thu được 1 mol  $H_2$ .

Vậy 0,01 mol Zn tham gia phản ứng sẽ thu được 0,01 mol  $H_2$ .

Thể tích khí hydrogen thu được ở  $25^\circ C$ , 1 bar (tức điều kiện chuẩn) là:

$$V = 0,01 \cdot 24,79 = 0,2479 \text{ lít.}$$

**Câu hỏi 2 trang 29 KHTN 8:**

Theo phương trình hoá học:

1 mol Mg tham gia phản ứng sẽ thu được 1 mol  $MgSO_4$  và 1 mol  $H_2$ .

Hay số mol  $H_2$  thu được sau phản ứng bằng số mol  $MgSO_4$  thu được sau phản ứng.

Vậy sau phản ứng thu được 0,02 mol  $MgSO_4$  suy ra số mol  $H_2$  thu được là 0,02 mol.

Thể tích khí  $H_2$  thu được ở  $25^\circ C$ , 1 bar (tức điều kiện chuẩn) là:

$$V = 0,02 \cdot 24,79 = 0,4958 \text{ lít.}$$

**d) Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV - HS   | Nội dung  |
|---|---|
| <p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân</li> <li>- Gv đưa bài tập ví dụ (sgk), hướng dẫn học sinh thực hiện</li> </ul> <p><b>Câu hỏi 1 trang 29 KHTN 8:</b> Ví dụ: Hoà tan hết 0,65 gam Zn trong dung dịch HCl 1 M, phản ứng xảy ra như sau:<br/> <math>Zn + 2HCl \rightarrow ZnCl_2 + H_2</math><br/>           Tính thể tích khí hydrogen thu được trong ví dụ trên ở <math>25^\circ C</math>, 1 bar.</p> <p><b>Câu hỏi 2 trang 29 KHTN 8:</b> Khi cho Mg tác dụng với dung dịch <math>H_2SO_4</math> loãng thì xảy ra</p> | <p><b>I. TÍNH LƯỢNG CHẤT TRONG PHƯƠNG TRÌNH HÓA HỌC</b></p> <p>Dựa vào phương trình hóa học, khi biết lượng một chất đã phản ứng hoặc lượng chất tạo thành, tính được lượng các chất còn lại.</p> <p><b>Câu hỏi 1 trang 29 KHTN 8:</b><br/>           Số mol Zn tham gia phản ứng: <math>n_{Zn} = 0,65 : 65 = 0,01</math> (mol)<br/>           Theo phương trình hoá học:<br/>           1 mol Zn tham gia phản ứng sẽ thu được 1 mol <math>H_2</math>.<br/>           Vậy 0,01 mol Zn tham gia phản ứng sẽ thu được 0,01 mol <math>H_2</math>.<br/>           Thể tích khí hydrogen thu được ở <math>25^\circ C</math>, 1 bar (tức điều kiện chuẩn) là:<br/> <math>V = 0,01 \cdot 24,79 = 0,2479</math> lít.</p> |

| Hoạt động của GV - HS   | Nội dung  |
|---|---|
| <p>phản ứng hoá học như sau:<br/> <math>Mg + H_2SO_4 \rightarrow MgSO_4 + H_2</math><br/>           Sau phản ứng thu được 0,02 mol <math>MgSO_4</math>.<br/>           Tính thể tích khí <math>H_2</math> thu được ở 25 °C, 1 bar.</p> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- HS thực hiện hoàn thành các yêu cầu của GV.</li> <li>- GV quan sát, hỗ trợ học sinh khi cần thiết.</li> </ul> <p><b>* Báo cáo, thảo luận</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV gọi HS đại diện trình bày.</li> <li>- Nhóm khác nhận xét, bổ sung phần trình bày của bạn.</li> </ul> <p><b>* Kết luận, nhận định</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nhận xét, chốt lại kiến thức đúng.</li> </ul> | <p><b>Câu hỏi 2 trang 29 KHTN 8:</b><br/>           Theo phương trình hoá học:<br/>           1 mol Mg tham gia phản ứng sẽ thu được 1 mol <math>MgSO_4</math> và 1 mol <math>H_2</math>.<br/>           Hay số mol <math>H_2</math> thu được sau phản ứng bằng số mol <math>MgSO_4</math> thu được sau phản ứng.<br/>           Vậy sau phản ứng thu được 0,02 mol <math>MgSO_4</math> suy ra số mol <math>H_2</math> thu được là 0,02 mol.<br/>           Thể tích khí <math>H_2</math> thu được ở 25 °C , 1 bar (tức điều kiện chuẩn) là:<br/> <math>V = 0,02 \cdot 24,79 = 0,4958</math> lít.</p> |

**Tiết 3,4****Hoạt động 2.2: Hiệu suất phản ứng (90 phút)****a) Mục tiêu:**

– Nêu được khái niệm hiệu suất của phản ứng và tính được hiệu suất của một phản ứng dựa vào lượng sản phẩm thu được theo lí thuyết và lượng sản phẩm thu được theo thực tế.

**b) Nội dung:**

- GV yêu cầu học sinh tìm hiểu thông tin, trả lời các câu hỏi trong sách giáo khoa

**c) Sản phẩm:**

- Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV - HS   | Nội dung   |
|---|--|
| <p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm cặp đôi nghiên cứu thông tin trong SGK</li> <li>- Học sinh trả lời câu hỏi 1,2</li> </ul> <p><b>Câu hỏi trang 29 KHTN 8:</b> Khi nung nóng <math>KClO_3</math> xảy ra phản ứng hoá học sau (phản ứng nhiệt phân):<br/> <math>2KClO_3 \rightarrow 2KCl + 3O_2</math><br/>           Biết rằng hiệu suất phản ứng nhỏ hơn 100%.<br/>           Hãy chọn các từ/cụm từ (lớn hơn, nhỏ hơn, bằng) phù hợp với nội dung còn thiếu trong các câu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi nhiệt phân 1 mol <math>KClO_3</math> thì thu được số mol <math>O_2</math> ... (1) ... 1,5 mol.</li> </ul> | <p><b>II. HIỆU SUẤT PHẢN ỨNG</b></p> <p><b>Câu hỏi trang 29 KHTN 8:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi nhiệt phân 1 mol <math>KClO_3</math> thì thu được số mol <math>O_2</math> <i>nhỏ hơn</i> 1,5 mol.</li> <li>- Để thu được 0,3 mol <math>O_2</math> thì cần số mol <math>KClO_3</math> <i>lớn hơn</i> 0,2 mol.</li> </ul> |

| Hoạt động của GV - HS  | Nội dung  |
|--|---|
| <p>- Để thu được 0,3 mol O<sub>2</sub> thì cần số mol KClO<sub>3</sub> ... (2) ... 0,2 mol.</p> <p><b>Câu hỏi trang 30 KHTN 8:</b> Nung 10 gam calcium carbonate (thành phần chính của đá vôi), thu được khí carbon dioxide và m gam vôi sống. Giả thiết hiệu suất phản ứng là 80%, xác định m.</p> <p>+ <b>Khái niệm hiệu suất phản ứng?</b><br/>+ <b>Công thức tính hiệu suất phản ứng:</b></p> <p><b>* HS thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- Cá nhân trình bày<br/>- Học sinh còn lại, nhận xét</p> <p><b>* Báo cáo, thảo luận</b></p> <p>- GV gọi HS đại diện trình bày, học sinh còn lại nhận xét bổ sung.</p> <p><b>* Kết luận, nhận định</b></p> <p>- GV yêu cầu học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.<br/>- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.</p> | <p><b>Câu hỏi trang 30 KHTN 8:</b></p> <p>Số mol CaCO<sub>3</sub>: <math>n_{CaCO_3} = 10:100 = 0,1(\text{mol})</math>.</p> <p>Phương trình hoá học:</p> $CaCO_3 \xrightarrow{\quad} CaO + CO_2$ <p>Theo phương trình hoá học:<br/>1 mol CaCO<sub>3</sub> tham gia phản ứng thu được 1 mol CaO.<br/>Vậy 0,1 mol CaCO<sub>3</sub> tham gia phản ứng thu được 0,1 mol CaO.<br/>Khối lượng CaO thu được theo lí thuyết là: <math>m_{LT} = 0,1.56 = 5,6 \text{ gam}</math>.<br/>Do hiệu suất phản ứng là 80% nên khối lượng CaO thu được theo thực tế là:<br/><math>m_{TT} = 5,6.80/100 = 4,48(\text{gam})</math>.</p> <p><b>a. Khái niệm hiệu suất phản ứng:</b></p> <p>- Xét phản ứng trong trường hợp tổng quát:<br/>Chất phản ứng → Sản phẩm<br/>- Với hiệu suất phản ứng nhỏ hơn 100% khi đó:<br/>+ Lượng chất phản ứng dùng trên thực tế sẽ lớn hơn lượng tính theo phương trình hóa học (theo lí thuyết)<br/>+ Lượng sản phẩm thu được trên thực tế sẽ nhỏ hơn lượng tính theo phương trình hóa học</p> <p><b>b. Công thức tính hiệu suất phản ứng:</b></p> $H = \frac{m'}{m} \cdot 100\% = \frac{n'}{n} \cdot 100\%$ <p>Với: m, n lần lượt là khối lượng và số mol chất sản phẩm tính theo lí thuyết<br/>m', n' lần lượt là khối lượng và số mol chất sản phẩm tính theo thực tế</p> |

**Tiết 5****3. Hoạt động luyện tập (32')**

**a. Mục tiêu:** Phối hợp với các thành viên trong nhóm cùng giải quyết các vấn đề mà nhiệm vụ học tập đề ra. Sáng tạo trong việc xây dựng thiết kế các hoạt động luyện tập hoàn thành nội dung nhiệm vụ được giao.

**b. Nội dung:** HS thu nhận kiến thức, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

| Hoạt động của GV - HS   | Tiến trình nội dung   |            |       |  |   |  |  |                |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |       |  |       |  |  |
|---|---|------------|-------|--|---|--|--|----------------|-----|---|-----|--|--|-----------------|---|--|---|--|--|---------------------|-----|---|-----|--|--|-----------------|---|--|---|--|--|---------------------|-------|--|-------|--|--|
| <p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập</b><br/>                     - GV giao nhiệm vụ học tập:<br/>                     +Bài tập</p> <p><b>Câu 1:</b> Khi cho m gam kim loại Mg phản ứng với dung dịch HCl dư theo phản ứng:<br/> <math>Mg + 2HCl \rightarrow MgCl_2 + H_2</math> Sau phản ứng thu được 2,479 lít (đktc) khí hydro ở 25°C, 1 bar. Tính m?</p> <p><b>Câu 2:</b> Khi cho kim loại 6,5g kim loại Zn phản ứng với dung dịch axit sunfuric loãng như sau:<br/> <math>Zn + H_2SO_4 \rightarrow ZnSO_4 + H_2</math>. Tính khối lượng muối ZnSO<sub>4</sub> thu được sau phản ứng.</p> <p><b>Câu 3:</b> Khí thiên nhiên nén (CNG – Compressed Natural Gas) có thành phần chính là methane (CH<sub>4</sub>), là nhiên liệu sạch, thân thiện với môi trường. Xét phản ứng đốt cháy methane trong buồng đốt động cơ xe buýt sử dụng nhiên liệu CNG:<br/> <math>CH_4 + 2O_2 \xrightarrow{t^0} CO_2 + 2H_2O</math><br/>                     Tính thể tích khí CO<sub>2</sub> (đkc) ở ở 25°C, 1 bar từ 24,79 lít khí CH<sub>4</sub></p> <p><b>* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ</b><br/>                     - GV yêu cầu HS đọc thông tin SGK và thảo luận nhóm trả lời câu hỏi<br/>                     - GV gọi ngẫu nhiên một HS đại diện cho một nhóm trình bày sản phẩm, các nhóm khác bổ sung (nếu có).</p> <p><b>* Bước 3. Báo cáo, thảo luận</b><br/>                     - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả, nêu ý kiến của mình.</p> <p><b>* Bước 4. Kết luận, nhận định</b><br/>                     - GV yêu cầu học sinh nhận xét, bổ sung, đánh</p> | <p>Câu trả lời của học sinh</p> <p><b>Câu 1:</b></p> <p style="text-align: center;"><b>Hướng dẫn giải</b></p> $n_{H_2} = \frac{2,479}{24,79} = 0,1 \text{ mol}$ <p>PTHH: <math>Mg + 2HCl \rightarrow MgCl_2 + H_2</math></p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 15%;">PTHH (mol)</td> <td style="width: 15%;">1</td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;">1</td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> <tr> <td>Phản ứng (mol)</td> <td>0,1</td> <td style="text-align: center;">←</td> <td>0,1</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p><math>m = m_{Mg} = 0,1 \cdot 24 = 2,4 \text{ gam}</math></p> <p><b>Câu 2:</b></p> <p>Số mol kim loại Zn là <math>n_{Zn} = 0,1 \text{ mol}</math></p> <p>PTHH <math>Zn + H_2SO_4 \rightarrow ZnSO_4 + H_2</math></p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 15%;">Theo PTHH (mol)</td> <td style="width: 15%;">1</td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;">1</td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> <tr> <td>Theo phản ứng (mol)</td> <td>0,1</td> <td style="text-align: center;">→</td> <td>0,1</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p><math>m_{ZnSO_4} = 0,1 \cdot 161 = 16,1 \text{ gam}</math></p> <p><b>Câu 3:</b></p> <p>PTHH: <math>CH_4 + 2O_2 \xrightarrow{t^0} CO_2 + 2H_2O</math></p> <table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 15%;">Theo PTHH (lit)</td> <td style="width: 15%;">1</td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;">1</td> <td style="width: 15%;"></td> <td style="width: 15%;"></td> </tr> <tr> <td>Theo phản ứng (lít)</td> <td>24,79</td> <td></td> <td>24,79</td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>Vậy <math>V_{CO_2} = 24,79 \text{ lít}</math></p> | PTHH (mol) | 1     |  | 1 |  |  | Phản ứng (mol) | 0,1 | ← | 0,1 |  |  | Theo PTHH (mol) | 1 |  | 1 |  |  | Theo phản ứng (mol) | 0,1 | → | 0,1 |  |  | Theo PTHH (lit) | 1 |  | 1 |  |  | Theo phản ứng (lít) | 24,79 |  | 24,79 |  |  |
| PTHH (mol)  | 1   |            | 1     |  |   |  |  |                |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |       |  |       |  |  |
| Phản ứng (mol)  | 0,1   | ←          | 0,1   |  |   |  |  |                |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |       |  |       |  |  |
| Theo PTHH (mol)   | 1   |            | 1     |  |   |  |  |                |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |       |  |       |  |  |
| Theo phản ứng (mol)   | 0,1   | →          | 0,1   |  |   |  |  |                |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |       |  |       |  |  |
| Theo PTHH (lit)   | 1   |            | 1     |  |   |  |  |                |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |       |  |       |  |  |
| Theo phản ứng (lít)   | 24,79   |            | 24,79 |  |   |  |  |                |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |     |   |     |  |  |                 |   |  |   |  |  |                     |       |  |       |  |  |

| Hoạt động của GV - HS  | Tiến trình nội dung |
|--|---------------------|
| giá.<br>- GV đánh giá bằng nhận xét.<br>- GV giải thích bổ sung kiến thức. |                     |

#### 4. Hoạt động vận dụng (5')

**a. Mục tiêu:** Học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

**b. Nội dung:** Dùng phiếu học tập tính lượng oxygen tạo ra qua quá trình quang hợp ở cây xanh, hậu quả khi cây xanh ngày một cạn kiệt.

**c. Sản phẩm:** Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

| Hoạt động của GV - HS  | Nội dung |
|--|----------|
| <p><b>* GV giao nhiệm vụ học tập</b></p> <p>+ Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV</p> <p>Nếu xét trên một cây xanh trưởng thành thì trung bình 1 năm nó tiêu thụ khoảng 21,77 kg khí CO<sub>2</sub> để thực hiện quá trình quang hợp</p> <p>Theo phương trình quang hợp ở thực vật như sau:</p> $5nH_2O + 6nCO_2 (C_6H_{10}O_5)_n + 6nO_2$ <p>- Tính lượng khí oxygen mà 1 cây xanh trưởng thành tạo ra trong 1 năm?</p> <p>- Nêu hậu quả nếu thực vật suy giảm?</p> <p>Tìm hiểu qua internet.. để giải bài tập này.</p> <p><b>* Thực hiện nhiệm vụ</b></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.</p> <p>+ Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết.</p> <p><b>* Báo cáo, thảo luận</b></p> <p>+ Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV</p> <p><b>* Kết luận, nhận định</b></p> <p>- Đánh giá, ghi điểm cho HS.</p> |          |